TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Hà

2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991. Đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Trần Thanh B,** sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2015, bà và ông Trần Thanh B do tự nguyện thương yêu nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T. Thời gian đầu ông bà

chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế gia đình, ông B không quan tâm vợ con, mọi sinh hoạt trong gia đình do một mình bà lo, áp lực gia đình càng nhiều nên thường xuyên cãi nhau, vì thương con nên bà cố duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả, sau đó bà và con về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông B.

Về con chung: Có hai con tên Trần Nguyễn Bảo V (nữ), sinh ngày 23/10/2015 và Trần Bảo K (nam), sinh ngày 29/12/2019. Bà yêu cầu nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn ông Trần Thanh B nhưng ông B vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Thanh B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà L khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng ông B vắng mặt nhiều lần không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà L và ông B chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng khi chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau, ông B không quan tâm vợ con, áp lực càng nhiều do một mình bà phải lo cho gia đình nên cuộc sống không hạnh phúc. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, sau đó bà và con về nhà cha mẹ ruột sống nên ông bà ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn quan tâm đến nhau. Thời gian ly thân đã lâu, bà L không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập ông B đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía ông B nhiều lần vắng mặt không rõ lý do. Điều đó cho thấy ông B đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L và ông B có hai con tên Trần Nguyễn Bảo V (nữ), sinh ngày 23/10/2015 và Trần Bảo K (nam), sinh ngày 29/12/2019. Khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Bảo V và Bảo K đến trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà L đang nuôi dưỡng hai cháu Bảo V và Bảo K, hai cháu đang sống ổn định với bà L, bà L có đảm bảo cho các cháu về điều kiện sinh hoạt, học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Vì vậy, ổn định cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Bảo V và Bảo K đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Mặc dù ông B không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho ông B quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở ông B thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông B vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Trần Thanh B.

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Nguyễn Bảo V (nữ), sinh ngày 23/10/2015 và Trần Bảo K (nam), sinh ngày 29/12/2019 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Trần Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh ông B thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên

lai thu số 0002240 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận bà L đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Phước Thới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng